

DETERMINANTS OF HOUSEHOLD EXPENDITURE ON HIGHER EDUCATION IN CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

Nguyen Hoang Trung*, Huynh Le Uyen Minh

Dong Thap University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 07/12/2022 Revised: 27/02/2023 Published: 27/02/2023 KEYWORDS Spending University education Household Cao Lanh city Head of household	There have been many domestic and foreign studies showing the important role of higher education as well as investment in higher education. Research have mainly focused on the macro scale as a level of the country, area, or land, and the study of education in general. In this study, the author analyzed the factors affecting household expenditure on higher education in the locality of Cao Lanh city, Dong Thap province. Using a sample size of 255 households with university graduates, the data was collected by a combination of email and face-to-face interviews, and then analysed by descriptive statistics and multivariate regression. The results show that there were five factors affecting the expenditure on higher education of households in Cao Lanh city, including gender, age of the household head, extra learning, university location, university degree. The study provides evidence for policy makers of Dong Thap province to come up with solutions to develop human resources for the province.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHI TIÊU CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Hoàng Trung*, Huỳnh Lê Uyên Minh

Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 07/12/2022 Ngày hoàn thiện: 27/02/2023 Ngày đăng: 27/02/2023 TỪ KHÓA Chi tiêu Giáo dục đại học Hộ gia đình Thành phố Cao Lãnh Chủ hộ	Đã có rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy vai trò quan trọng của giáo dục đại học cũng như đầu tư cho giáo dục đại học. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở phạm vi vĩ mô như là cấp quốc gia, vùng hay lãnh thổ, và nghiên cứu về giáo dục nói chung. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục đại học của các hộ gia đình ở phạm vi địa phương là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu trên cỡ mẫu là 255 hộ gia đình có người đi học đại học, dữ liệu được thu thập kết hợp giữa hình thức gửi mail và phỏng vấn trực tiếp, phương pháp thống kê mô tả và hồi quy đa biến được dùng để phân tích. Kết quả cho thấy có 5 yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, gồm giới tính, tuổi của chủ hộ, học thêm, khu vực học đại học, và trình độ đại học. Nghiên cứu cung cấp minh chứng để các nhà hoạch định chính sách của tỉnh Đồng Tháp có thể đưa ra những giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh nhà.

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7063>

* Corresponding author. Email: nhtrung@dthu.edu.vn

1. Giới thiệu

Giáo dục đại học không chỉ có vai trò cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, làm tăng năng suất lao động, góp phần cho sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, mà còn đem lại lợi ích cho bản thân người học. Chỉ tiêu cho giáo dục đại học ở Việt Nam đã được nghiên cứu ở cấp độ vĩ mô, phạm vi nghiên cứu mang tính tổng thể là cả nước và vùng. Nghiên cứu về chỉ tiêu cho giáo dục đại học ở góc độ hộ gia đình ở địa phương chưa được xem xét một cách kỹ lưỡng.

Đầu tư vào giáo dục dẫn đến sự hình thành vốn con người. Cùng với vốn vật chất và vốn xã hội thì vốn con người có vai trò đáng kể vào tăng trưởng kinh tế [1]. Giáo dục là một sự đầu tư dài hạn, lợi nhuận được đảm bảo dưới các hình thức nguồn lực lao động có tay nghề cao và hướng đến nhu cầu phát triển xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng xã hội [2].

Trên thế giới đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề chỉ tiêu cho giáo dục đại học. Tuy nhiên, do hạn chế về dữ liệu và nhận thức chung rằng phần lớn chi phí giáo dục do chính phủ chi trả và chỉ tiêu của hộ gia đình là rất nhỏ, các nhà nghiên cứu đã không chú ý nhiều đến việc xem xét kỹ lưỡng vai trò của các hộ gia đình. Điều này đã thay đổi gần đây với ba nghiên cứu quan trọng [3] - [5]. Kết quả cho thấy chỉ tiêu hộ gia đình là khá lớn cho giáo dục đại học, và có sự khác nhau giữa các nhóm. Bên cạnh đó, có nghiên cứu điều tra các yếu tố quyết định chỉ tiêu của hộ gia đình cho giáo dục đã phát hiện đẳng cấp, giới tính, điều kiện kinh tế, trình độ học vấn của cha mẹ, nơi cư trú, v.v. đóng vai trò then chốt trong việc xác định số tiền chi tiêu của hộ gia đình [6].

Có sự thống nhất cao giữa các quốc gia về kết quả của nghiên cứu khảo sát mối liên quan giữa nền tảng gia đình và chỉ tiêu cho giáo dục. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tích cực của trình độ giáo dục của các bậc phụ huynh đến việc học của con cái là tất yếu [7]. Các nghiên cứu ở các quốc gia cũng cho thấy thu nhập hộ gia đình có ảnh hưởng tích cực lên thành tích học tập [8] - [11].

Trong nước gần đây, có một số tác giả bàn về chỉ tiêu cho giáo dục của người dân, như nghiên cứu [12] cho thấy rõ hành vi và các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu cho giáo dục của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức chi tiêu cho giáo dục hiện tại của người dân còn khá thấp so với các khoản mục chi tiêu thông thường khác. Ngoài ra, có sự khác biệt giữa mức chi tiêu giữa các hộ dân ở thành thị và nông thôn, tuy nhiên không có sự khác biệt giữa các hộ dân ở các tỉnh, thành có mức thu nhập trung bình khác nhau ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Bên cạnh đó, mô hình hồi quy kiểm duyệt Tobit chỉ ra rằng, các yếu tố quan trọng tác động đến mức chi tiêu cho giáo dục của người dân bao gồm: trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, tổng thu nhập trong gia đình. Các yếu tố như: học thêm, số người nam và người nữ đi học trong gia đình cũng góp phần làm tăng khoản chi tiêu này. Liên quan trực tiếp về chỉ tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình có nghiên cứu của các tác giả [13]. Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu cho giáo dục của người dân ở 11 tỉnh thành phố vùng đồng bằng sông Hồng trong năm 2018. Mô hình hồi quy kiểm duyệt Tobit được sử dụng, chỉ tiêu cho giáo dục và các đặc điểm kinh tế - xã hội của hộ gia đình được tính toán từ Bộ số liệu mức sống dân cư 2018. Mức chi cho giáo dục trung bình khoảng 4 - 7% tổng chi tiêu của hộ gia đình. Theo các cấp học, mức chi bình quân cho giáo dục đại học nhiều nhất. Các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới chỉ tiêu giáo dục của người dân như thu nhập hộ gia đình và đặc điểm chủ hộ (trình độ giáo dục và giới tính), trợ cấp giáo dục, học thêm, nơi sống. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng khoa học cho các nhà hoạch định chính sách đưa ra chiến lược phát triển và đào tạo nguồn nhân lực trong vùng trong tương lai.

Các nghiên cứu này tiến hành khảo sát trên quy mô lớn và đối tượng khảo sát bao gồm cả hộ có chi tiêu và không có chi tiêu nên sử dụng mô hình hồi quy kiểm duyệt Tobit là phù hợp, trong nghiên cứu này tác giả tiến hành nghiên cứu phạm vi địa phương, đối tượng là các hộ gia đình có người đi học đại học, tức là có chi tiêu, nên tác giả sử dụng mô hình hồi quy đa biến.

Thành phố Cao Lãnh là một trong ba thành phố của tỉnh Đồng Tháp ở đồng bằng sông Cửu Long, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh. Các trụ cột kinh tế - xã hội của thành phố gồm thương mại, hành chính, y tế, công nghiệp được phẩm, y học cổ truyền và nông nghiệp.

Yếu tố quan trọng nhất đóng góp cho sự phát triển đó chính là nguồn lực con người hay cụ thể là nguồn lực tri thức. Để nâng cao trình độ cho người dân, ngoài những chính sách vĩ mô, yếu tố gia đình cũng rất quan trọng. Như các nghiên cứu ở trên đã chỉ ra, yếu tố gia đình ảnh hưởng lớn đến việc đầu tư cho học tập của người học. Vì vậy, để có thể góp phần vào việc tìm ra nguyên nhân, yếu tố thúc đẩy người dân thành phố có trình độ ngày càng cao, đóng góp vào phát triển kinh tế của tỉnh nhà, cần thiết có một nghiên cứu cận kề về vấn đề các yếu tố tác động đến chỉ tiêu cho giáo dục đại học của các hộ gia đình.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu chính thức với công cụ là bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát các hộ gia đình sinh sống ở 3 phường có tỷ lệ hộ có người đi học đông nhất là phường 1, phường 2 và phường 6 thuộc thành phố Cao Lãnh [14]. Quy mô mẫu tối thiểu để có thể phân tích hồi quy đa biến được xác định theo công thức $n = 50 + m$ (trong đó m là số biến độc lập) [15]. Nghiên cứu này sử dụng 9 biến độc lập, như vậy tối thiểu cỡ mẫu là 59. Tuy nhiên, cỡ mẫu càng lớn thì ước lượng càng chính xác, vì vậy nghiên cứu tiến hành khảo sát 300 hộ gia đình. Thời gian tiến hành thu thập dữ liệu từ 01/10/2022 đến 30/10/2022 với tổng số 255 phiếu khảo sát hợp lệ và 45 phiếu không hợp lệ đã loại ra. Phương pháp chọn mẫu được sử dụng là chọn mẫu phi ngẫu nhiên kết hợp với ngẫu nhiên đơn giản. Chọn mẫu phi ngẫu nhiên là chọn ra các phường với tiêu chí có số hộ gia đình mà có người đi học đại học tập trung đông nhất trong thành phố Cao Lãnh, sau đó, dựa trên cỡ mẫu và tỷ lệ của các hộ gia đình có người đi học đại học của từng phường để tính ra cỡ mẫu cần thu thập của từng phường. Từ đó, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản được sử dụng để chọn ra các hộ gia đình ở các phường dựa trên danh sách thu thập được của cả phường. Hình thức lấy thông tin kết hợp cả phát phiếu trực tiếp và qua mail. Thông tin về mẫu nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Kích cỡ và cơ cấu mẫu nghiên cứu

Phường	Số hộ khảo sát	Tỷ lệ (%)
Phường 1	80	31,37
Phường 2	75	29,41
Phường 6	100	39,22
Tổng	255	100,0

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2022)

Sau khi khảo sát xong, nhóm tác giả sẽ tiến hành mã hóa, nhập liệu và làm sạch dữ liệu. Việc phân tích sau đó được thực hiện bằng phần mềm Stata.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: tập hợp các phương pháp đo lường, mô tả và trình bày số liệu bằng các phép tính và các chỉ số thống kê thông thường như trung bình (mean), độ lệch chuẩn (Standard deviation) cho các biến số liên tục. Trong nghiên cứu này có sự kết hợp so sánh số tuyệt đối, tương đối và mô tả bằng đồ thị.

Phân tích hồi quy đa biến: mô hình hồi quy được xác định như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 Tuoi + \beta_2 GT + \beta_3 Nam + \beta_4 L + \beta_5 HT + \beta_6 NH + \beta_7 CN + \beta_8 Nu + \beta_9 TTN + \mu_i \quad (1)$$

Các biến trong mô hình được định nghĩa và nguồn trích dẫn từ các nghiên cứu trước đây được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Giải thích các biến trong mô hình

Biến	Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
Phụ thuộc	Y	Chỉ tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình (1000 đ) bao gồm các khoản chi tiêu: học phí; các khoản đóng góp cho trường, lớp; đồng phục; ăn uống và ở; phương tiện học tập; học thêm	[12]; [13]

Biến	Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
	GT	Giới tính của chủ hộ (1: nam; 0: nữ)	[3]; [4]; [5]
	Tuoi	Tuổi của chủ hộ (năm)	[13]
	Nam	Số người đi học đại học là nam (người)	[12]
	Nu	Số người đi học đại học là nữ (người)	[12]
Độc lập	L	Số lao động tạo ra thu nhập trong gia đình (người)	[6]; [12]
	HT	Người đi học đại học có học thêm hay không (1: có; 0: không)	[12]
	NH	Người học đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hay ở ĐBSCL (1: học ở TP HCM; 0: ĐBSCL)	[4]; [5]
	TĐ	Chủ hộ gia đình có trình độ đại học hay không (1: có; 0: khác)	[7]
	TTN	Tổng thu nhập của hộ gia đình trong 1 năm (1000 đ) bao gồm: tiền lương, lãi, cho thuê...	[6]; [12]; [13]
	TC	Hộ gia đình có được hưởng trợ cấp cho người đi học hay không (1: có; 0: không)	[13]

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 255 phiếu khảo sát các chủ hộ gia đình sinh sống trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, trong đó có 142 chủ hộ là nam chiếm 55,69%, nữ là 113 chiếm 44,31%. Đa số chủ hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh có đi học; cụ thể trình độ từ cao đẳng/ đại học (CĐ/ĐH) trở lên có 111 người, chiếm 43,53%; từ tiểu học tới phổ thông trung học có 135 người, chiếm 52,94%; và chỉ có 9 người không đi học, chiếm 3,53%. Độ tuổi của các chủ hộ chủ yếu là từ 40 - 54 tuổi, có 189 người, chiếm 74,11%; còn lại từ 25-39 tuổi chiếm 11,76%, 55-59 tuổi chiếm 10,19% và trên 60 tuổi chiếm 4,1% (Bảng 3).

Bảng 3. Đặc điểm chung của chủ hộ bao gồm giới tính, trình độ và độ tuổi

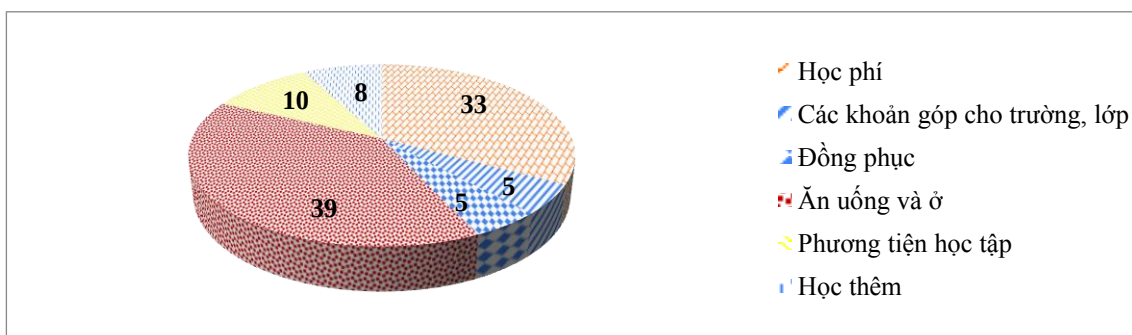
	Tiêu chí	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính chủ hộ	Nam	142	55,69
	Nữ	113	44,31
Trình độ chủ hộ	Từ CĐ/ĐH trở lên	111	43,53
	Từ tiểu học tới phổ thông	135	52,94
	Không đi học	9	3,53
Độ tuổi	25 - 39	30	11,76
	40 - 54	189	74,11
	55 - 59	26	10,19
	> 60	10	4,10

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2022)

Kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch về giới tính của chủ hộ, nam vẫn chiếm tỷ lệ cao, điều này cũng phù hợp với truyền thống của người Việt Nam từ xưa là nam giới đóng vai trò trụ cột. Tỷ lệ người dân có trình độ dân trí khá cao vì đây thuộc phạm vi của thành phố, và độ tuổi chủ yếu là trung niên.

3.2. Thực trạng chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình trên địa bàn thành phố Cao Lãnh

Cơ cấu chi tiêu phổ biến nhất của một sinh viên đại học thường bao gồm các khoản mục như học phí, ăn ở, tài liệu học tập, quỹ trường lớp, học thêm (tiếng Anh, tin học, kỹ năng...), đồng phục. Từ kết quả điều tra cho thấy, trong các khoản mục chi tiêu thì chi cho ăn và ở là cao nhất chiếm 39%, tiếp theo là học phí chiếm 33%. Đứng thứ ba là phương tiện học tập chiếm 10% (Hình 1). Các khoản chi còn lại chiếm không đáng kể trong tổng chi tiêu trung bình cho 1 người đi học đại học.



Hình 1. Biểu đồ cơ cấu chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2022)

Các hộ gia đình có mức chi tiêu khá cao so với mức chung của cả tỉnh Đồng Tháp và vùng ĐBSCL, vì đây là những hộ sống ở thành phố Cao Lãnh nên thu nhập của họ cũng cao hơn các vùng nông thôn. Hơn nữa, con em họ đi học ở thành phố Hồ Chí Minh cũng nhiều nên chi phí sẽ đắt đỏ hơn so với khu vực ĐBSCL. Số liệu khảo sát cho thấy những khoản mục chi còn thấp như chi cho học thêm và phương tiện học tập; sinh viên đại học chủ yếu học thêm tiếng Anh và tin học là chủ yếu, một số học thêm các chứng chỉ khác bổ sung cho ngành học. Một phần sinh viên không chịu học và năng lực học tiếng Anh cũng như tin học còn hạn chế, nên sự đầu tư chưa nhiều.

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

3.3.1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Kết quả phân tích ở bảng 4 cho thấy chủ hộ phần lớn là trung niên, với độ tuổi trung bình là 46,92 tuổi. Chủ hộ trẻ nhất là 28 tuổi, lý do vì trong nhà có người đi học đại học không phải là con mà là em ruột. Chủ hộ lớn tuổi nhất trong mẫu nghiên cứu là 70 tuổi. Chủ hộ là nam trong mẫu nghiên cứu chiếm tỷ lệ cao hơn so với nữ. Hộ có số người đi làm thấp nhất là 1 và cao nhất là 9, hộ có số người đi làm cao do sống chung nhiều thế hệ trong một gia đình và có đông con.

Bảng 4. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Biến	Diễn giải biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Tuoi	Tuổi chủ hộ (năm)	255	46,92	6,73	28	70
GT	Giới tính chủ hộ (1: nam; 0:nữ)	255	0,55	0,49	0	1
Nam	Số người đi học đại học là nam (người)	255	0,78	0,74	0	4
Nu	Số người đi học đại học là nữ (người)	255	0,83	0,95	0	5
L	Số lao động trong hộ (người)	255	2,52	0,98	1	9
HT	Học thêm (1: có; 0: không)	255	0,31	0,46	0	1
NH	Nơi học (1: TP HCM; 0: ĐBSCL)	255	0,48	0,52	0	1
TĐ	Trình độ học vấn: (1: CĐ/ĐH; 0: khác)	255	0,43	0,49	0	1
TTN	Tổng thu nhập (1000 đ/năm)	255	173.482,40	141.033,10	10.000	680.000
TC	Trợ cấp (1: có; 0: không)	255	0,15	0,36	0	1

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2022)

Tổng thu nhập trung bình của các hộ trong một năm là 173.482.400 đ, như vậy bình quân mỗi tháng hơn 14 triệu, mức thu nhập tương đối cao so với mặt bằng chung của cả tỉnh và khu vực. Trong đó cũng có những hộ còn khó khăn, thu nhập bình quân một năm chỉ 10 triệu đồng và hộ có thu nhập cao nhất là 680 triệu đồng. Những hộ có thu nhập cao thường là nhà có buôn bán, kinh doanh hoặc có công ty riêng.

Việc học thêm của người đi học đại học cũng hạn chế, trung bình chỉ có 31% là có học thêm, phần lớn sinh viên do năng lực hạn chế, một phần chưa chịu cố gắng học ngoại ngữ và tin học. Số hộ gia đình được hưởng trợ cấp giáo dục chiếm tỷ lệ thấp, do chính sách chủ yếu áp dụng cho các hộ gặp khó khăn hay các đối tượng đặc biệt.

Chủ hộ gia đình có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ lệ khá cao trong mẫu nghiên cứu, gần 50%. Số còn lại là có đi học, phân bố từ tiểu học tới phổ thông trung học và không đi học. Như vậy, có thể thấy trình độ dân trí của người dân thành phố Cao Lãnh là cao so với cả tỉnh. Trong mẫu nghiên cứu, số người đi học ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh trung bình là 48%; còn lại là chọn học ở các trường thuộc ĐBSCL; với số lượng gần 50% học ở Thành phố Hồ Chí Minh, nên các chi phí cũng cao hơn so với ĐBSCL. Số người đi học đại học của các hộ gia đình trung bình là 1,53 người, thấp nhất là hộ chỉ có một người đi học và cao nhất là 6 người. Trong đó, số người đi học là nam trung bình là 0,78 và nữ là 0,78, như vậy cho thấy tỷ lệ nữ trong hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh đi học đông hơn nam giới.

3.3.2. Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng tới chi tiêu cho GDDH của hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Mô hình đề xuất ban đầu đã có biến bị loại ra khi chạy hồi quy do không có ý nghĩa thống kê và để khắc phục hiện tượng đa cộng tuyến và phương sai sai số thay đổi. Kết quả hồi quy cuối cùng trong bảng 5 cho thấy mô hình không còn bị hiện tượng đa cộng tuyến do $\text{mean Vif} = 1,16 < 2$ và mô hình không bị phương sai sai số thay đổi ($\text{Prob} > \text{chi}^2 = 0,23 < \alpha = 5\%$) [16]. Có 5 yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục đại học của các hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bao gồm: GT (giới tính); Tuổi (Tuổi của chủ hộ); HT (học thêm); NH (nơi học); TĐ (học CĐ/ĐH).

Bảng 5. Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng tới chi tiêu cho giáo dục đại học

Biến số	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị p	Vif
Hằng số	48.793,02***	16.450,12	0,003	
Tuổi	-604,055*	315,202	0,056	1,02
GT	11.184,27**	4.389,754	0,011	1,08
Nam	-1.387,864	3.146,902	0,660	1,25
Nu	-64,759	2.342,81	0,978	1,13
L	3.457,793	2.431,994	0,156	1,31
HT	14.235,75***	5.034,405	0,005	1,24
NH	17.454,62***	4.160,827	0,000	1,08
TĐ	-7.644,5*	4.484,431	0,09	1,12
TTN	-0,005	0,016	0,752	1,29
TC	3.432,242	6.064,289	0,572	1,11
	Prob>F		0,000	
	Mean ViF		1,16	
	Prob >chi2		0,23	
	R ²		0,65	

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%

(Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả, 2022)

Theo kết quả ước lượng trong bảng 5, giá trị $\text{Prob} > F = 0,000 < \alpha = 5\%$, mô hình phù hợp và $R^2 = 0,65$ tức các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 65% sự biến động của chi tiêu cho giáo dục đại học. Những gia đình có chủ hộ càng lớn tuổi thì chi tiêu cho giáo dục giảm xuống, điều này có thể hiểu là những chủ hộ còn trẻ họ nhận thức được tầm quan trọng của việc học, còn đối với chủ hộ lớn tuổi là những người sinh ra lúc đất nước còn khó khăn, nên họ ngại chi tiêu nhiều, kết quả này cũng trùng với nghiên cứu [17]. Biến giới tính có ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình, kết quả này trùng khớp với nghiên cứu [18]. Tuy nhiên, kết quả tác động theo chiều hướng đồng biến, cụ thể là khi các yếu tố khác không đổi, chủ hộ là nam chi tiêu nhiều hơn nữ là 11.184.270 đồng/năm. Nguyên nhân là do thu nhập của chủ hộ là nam trong mẫu nghiên cứu cao hơn so với nữ, nên quyết định chi tiêu cũng rộng rãi hơn.

Những hộ gia đình có người đi học tham gia các khóa học thêm có chi tiêu cao hơn so với các hộ mà người đi học đại học không học thêm, số tiền chênh lệch giữa hai trường hợp là

14.235.750 đồng/năm. Kết quả này cũng trùng khớp với các nghiên cứu trước đây [19], [20]. Việc nâng cao khả năng ngoại ngữ, tin học cũng như các kiến thức bổ sung khác sẽ làm cho sinh viên có hành trang vững chắc sau khi ra trường, nên mặc dù chi tiêu cho việc học thêm sẽ làm gia tăng chi tiêu cũng như áp lực kinh tế trong gia đình, nhưng họ vẫn mạnh dạn đầu tư cho con em được học hành đầy đủ, do có sự nhận thức đúng đắn cũng như có thu nhập ổn định.

Các hộ gia đình có người đi học đại học chủ yếu là ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng ĐBSCL. Theo kết quả ước lượng, những hộ có người học ở Thành phố Hồ Chí Minh sẽ chi tiêu nhiều hơn so với hộ có người học ở vùng ĐBSCL là 17.454.620 đồng/năm. Điều này cũng dễ hiểu vì các chi phí từ học phí cho tới sinh hoạt ở Thành phố Hồ Chí Minh đều cao hơn so với khu vực ĐBSCL.

Một kết quả đáng ngạc nhiên trái ngược với các nghiên cứu trước đây [21], [22] là các chủ hộ có trình độ từ CĐ/ĐH trở lên lại chi tiêu cho giáo dục ít hơn các hộ khác. Nguyên nhân dẫn đến kết quả này do đặc thù ở thành phố Cao Lãnh, người dân chủ yếu buôn bán nhỏ và có vườn trồng cây ăn trái nên kinh tế khá hơn so với chỉ làm ở cơ quan nhà nước. Trong khi đó, những người làm trong cơ quan nhà nước thì họ có học vấn cao hơn, nhưng thu nhập chủ yếu đến từ lương hàng tháng, nên sự đầu tư cho việc học đại học của con em còn hạn chế, chỉ tập trung những khoản chi tiêu hợp lý. Nguyên nhân thứ hai do những người có trình độ họ có sự tính toán hợp lý nên tiết kiệm hơn trong việc chi tiêu cho giáo dục của con cái họ.

4. Kết luận

Bài viết này nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Kết quả phân tích cơ cấu chi tiêu cho thấy, các khoản chi chủ yếu bao gồm học phí (33%), ăn uống và ở (39%) và phương tiện học tập (10%). Kết quả phân tích bằng mô hình hồi quy đa biến cho thấy, có 5 yếu tố tác động tới chi tiêu cho giáo dục đại học. Trong đó, các yếu tố giới tính, học thêm và nơi học ảnh hưởng cùng chiều với chi tiêu. Các yếu tố là tuổi và trình độ của chủ hộ có tác động ngược chiều với chi tiêu cho giáo dục đại học của hộ gia đình. Kết quả đó phản ánh được hành vi của hộ gia đình ở thành phố Cao Lãnh trong chi tiêu cho giáo dục đại học. Một số gợi ý chính sách để góp phần tăng cường đầu tư cho giáo dục đại học ở các hộ gia đình như tuyên truyền, giúp các hộ gia đình hiểu hơn về ý nghĩa của việc cho con em đi học đại học đặc biệt là hộ gia đình mà có phụ nữ làm chủ và chủ hộ lớn tuổi. Có chính sách hỗ trợ về học phí cũng như các chi phí khi đi học để không có sự khác biệt nhiều ở các khu vực mà sinh viên đến học đại học. Chính sách về tiền lương cho công nhân viên chức cần được quan tâm đúng và kịp thời để họ có thể trang trải việc học tập của con em, vì đây là thu nhập chính của họ.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số SPD2022.01.22.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. H. Dinh và D. H. Tu, "The impact of human capital on economic growth in the Mekong Delta," *Journal of Economics & Development*, vol. 27, no. 2, pp. 2-16, 2016.
- [2] S. N. Yogish, "Education and Economic Development," *Indian Journal Soc.*, vol. 6, no. 2, pp. 255-270, 2006.
- [3] J. B. G. Tiluk, *Determinants of household expenditure on education in rural India*, National Council of Applied Economic Research Working Paper, 2002.
- [4] Kambhampati, "Does the household expenditure on education in India depend upon the returns to education?," *Working Paper 60*, University of Reading, United Kingdom, 2008.
- [5] P. Duraisamy and M. Duraisamy, "Contemporary Issues in Indian Higher Education : Privatization, Public and Household Expenditures and Student Loans," *Higher Education for the Future*, vol. 3, no. 2, pp. 1-20, 2016.
- [6] D. Filmer and L. Pritchett, "The Effect of Household Wealth on Educational attainment, Demographic and Health Survey Evidence," *Policy Research Working Paper no- 1980*, The World Bank: USA, 1998.

-
- [7] M. Binder, "Family background, gender and schooling in Mexico," *Journal of Development Studies*, vol. 35, pp. 54-71, 1998.
- [8] S. Al-Qudsi, "Family background, school enrolments and wastage: evidence from Arab countries," *Economics of Education Review*, vol. 22, pp. 567-580, 2003.
- [9] E. Clark-Kauffman, G. Duncan, and P. Morris, "How welfare policies affect child and adolescent achievement," *American Economic Review*, vol. 93, pp. 299-303, 2003.
- [10] J. Blanden and P. Gregg, "Family income and educational attainment: a review of approaches and evidence for Britain," *Oxford Review of Economic Policy*, vol. 20, pp. 245-263, 2004.
- [11] A. Aakvik, K. G. Salvanes, and K. Vaage, "Educational attainment and family background," *German Economic Review*, vol. 6, pp. 377-394, 2005.
- [12] T. D. Khong and L. T. Pham, "The determinants of education expenditure of households in Mekong River Delta," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 31, pp. 81-90, 2014.
- [13] T. N. Ngo, T. T. M. Nguyen, T. T. T. Dam, and T. T. Huong, "Determinants of household expenditure on education in red river delta region," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 04, pp. 53-61, 2021.
- [14] The Dong Thap Provincial Statistics Office, *Statistical Yearbook of Dong Thap province*, Hanoi Statistical, 2021.
- [15] J. Harris, *A primer of multivariate statistics*. New York: Academic Press, 1985.
- [16] D. T. Nguyen, *Scientific research methods study in business*. Ha Noi: Labor Publishing House - Society, 2012.
- [17] T. N. Hoang, "The model analyse the factors affecting Vietnamese household expenditure on education," *Journal of International Economics and Management*, vol. 112, pp. 54-72, 2020.
- [18] H. A. Dang, "The determinants and impact of private tutoring classes in Vietnam," *Economics of Education Review*, vol. 26, no. 6, pp. 683-698, 2007.
- [19] A. Tansel, "Demand for education in Turkey: A tobit analysis of private tutoring expenditures," *Economics of Education Review*, vol. 13, no. 4, pp. 303-313, 2005.
- [20] T. Mauldin, Y. Mimura, and M. Lino, "Parental expenditures on children's education," *Journal of Family and Economic Issues*, vol. 22, no. 3, pp. 221-241, 2001.
- [21] N. Sulaiman, R. Ismail, N. Othman, and P. B. Tin, "The determinants of demand for Education among households in Malaysia," *International Business Management*, vol. 6, no. 5, pp. 558-567, 2012.
- [22] Q. H. Vu, "Determinants of educational expenditure in Vietnam," *International Journal of Applied Economics*, vol. 9, no. 1, pp. 59-72, 2012.